TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhiêu Phong;

2. Ông Trần Minh Châu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Nam, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dânHuyện Dương Minh Châu tham gia phiên toà**:* Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QđST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ B, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 02, ấp 1, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Thị Đa N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 02, ấp 1, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (đã bị tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Vũ B trình bày:

Anh và chị Thị Đa N chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn anh chị sống tại địa chỉ tổ 02, ấp 1, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 22-9-2019 thì chị N tự bỏ nhà đi, anh không rõ đi đâu làm gì và không có tin tức gì về chị N. Tháng 10-2021 anh yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích. Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu tuyên bố chị N mất tích theo Quyết định số 02/2022/QĐST-VDS ngày 09-5-2022. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí V, sinh ngày 24-4-2008 và Nguyễn Trí B, sinh ngày 26-7-2013 hiện đang sống cùng anh B. Anh B yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Thị Đa N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 27-9-2019. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng cho chị N theo địa chỉ cư trú cuối cùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ B. Giao anh B tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trí V và Nguyễn Trí B. Ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B xin ly hôn với chị Thị Đa N. Chị N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ ngày 27-9-2019, địa chỉ cư trú cuối cùng tại tổ 02, ấp 1, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, niêm yết các văn bản tố

tụng cho chị N theo địa chỉ cư trú cuối cùng. Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án: Anh B, chị N tự nguyện chung sống vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật bảo vệ. Chị N đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2022/QĐST-VDS ngày 09-5-2022 đã có hiệu lực pháp luật, tuyên bố chị N mất tích từ ngày 27-9-2019. Nay anh B yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí V, sinh ngày 24-4-2008 và Nguyễn Trí B, sinh ngày 26-7-2013 hiện đang sống cùng anh B. Xét thấy, cần tiếp tục giao anh B nuôi 02 con chung là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Vũ B đối với chị Thị Đa N.

Anh Nguyễn Vũ B và chị Thị Đa N không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trí V, sinh ngày 24-4-2008 và Nguyễn Trí B, sinh ngày 26-7-2013. Giao anh B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Nguyễn Trí V, Nguyễn Trí B.

Ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Vũ B phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu số 0012398 ngày 20-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. (đã nộp đủ)

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Tòa án, Ủy ban nhân dân xã (phường), nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thơ